

CHÍNH SÁCH CHỐNG THAM NHŨNG CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN Ở VIỆT NAM

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử được xuất hiện khi xã hội phân chia thành giai cấp và hình thành nhà nước, cho nên tham nhũng cũng đã xuất hiện ở nhà nước Việt Nam trong lịch sử. Điều đó cũng có nghĩa rộng giai cấp thống trị nhà nước Việt Nam trong lịch sử cũng đã phải đấu tranh với tham nhũng. Để hiểu được cuộc đấu tranh chống tham nhũng của nhà nước Việt Nam trong lịch sử trước tiên cần thiết phải thông qua các quy định của pháp luật mà sử sách còn ghi chép lại.

Như chúng ta đã biết, từ thế kỷ 1 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ X sau công nguyên, sau khi An Dương Vương thất bại trong cuộc chiến tranh chống Triệu Đà, năm 179 trước Công nguyên, nhà nước Âu Lạc bị sát nhập vào Nam Việt và trở thành một huyện của các nhà nước phong kiến Phương Bắc. Trong khoảng thời gian 1000 năm đó, pháp luật được thực hiện với người Việt là pháp luật phong kiến đô hộ ở nhiều mức khác nhau, nhưng chủ yếu là pháp luật của nhà Hán giữ vai trò thống trị. Trong các vùng núi vẫn tồn tại luật tục. Tuy vậy, những hành vi tham nhũng trong thời gian này của các quan lại, chức sắc phong kiến phương Bắc đã gây nên sự phẫn nộ trong dân chúng, làm dấy lên các cuộc khởi nghĩa. Để giải quyết hậu quả do tham nhũng gây nên, trong Hậu Hán Thư có chép lại rằng, chính quyền đô hộ đặt lệ phong hầu, cất đất thưởng cho những kẻ có công trấn áp phản nghịch. Để hạn chế sự tham nhũng của quan lại làm thiệt hại đến việc thu thuế và cống nạp cho chính quyền trung ương và có thể làm bùng lên sự nổi dậy của nhân dân thuộc địa, đồng thời để xoa dịu lòng căm phẫn của nhân dân ta, nhà Hán có ban hành sáu điều lệnh quy định cấm quan lại không được làm một số việc như dùng thế lực chiếm đoạt ruộng đất giết hại dân, vơ vét của cải gian tham.

Từ thế kỷ thứ X là thời kỳ xây dựng nhà nước độc lập được bắt đầu từ thời họ Khúc (Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo), đến thời họ Ngô (Ngô Quyền), họ Đinh (Đinh Bộ Lĩnh) và thời tiền Lê (Lê Hoàn) sau khi trải qua kháng chiến chống quân xâm lược nhà Đường, nhà Tống (Trung Quốc). Nhà nước Đại Cồ Việt được hình thành mang tính chất của một nhà nước phong kiến. Pháp luật thành văn trong thời gian này có thể đã được xây dựng. Thế nhưng phải đến

thế kỷ thứ XI, nhà Lý (Lý Công Uẩn, Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông...) trị vì đất nước, nhà nước Đại Cồ Việt đổi tên thành nhà nước Đại Việt, bộ Hình Thư nhà Lý được ra đời. Một trong những lý do để bộ Hình thư được biên soạn, theo như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của sử gia Ngô Sĩ Liên thì: “Trước kia, việc kiện tụng trong nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật Văn, cốt làm cho khắc nghiệt, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sai trung thư san định luật lệnh, châm chước cho thích dụng vào thời thế, chia ra môn loại, hiện thành điều khoản, làm thành sách Hình Thư của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây, phép xử án được bằng thẳng rõ ràng cho nên mới đổi niên hiệu là Minh Đạo và đức tiên Minh Đạo”. Như vậy, do sự phiền nhiễu của các quan lại, chức sắc phong kiến những nhiễu dân lành, gây nên sự can uổng quá đáng mà buộc nhà Lý phải ban hành bộ Hình Thư rõ ràng, trong bộ Hình Thư đã ghi nhận về những hành vi tham nhũng của quan lại chức sắc phong kiến. Nhưng theo sử sách còn ghi lại thì tính trừng trị với các hành vi tham nhũng của quan lại chức sắc trong thời gian này rất nhẹ. Pháp luật của nhà Lý chủ yếu bảo vệ quyền lợi của nhà nước trung ương tập quyền và của tầng lớp quý tộc quan liêu, cũng có chế độ đẳng cấp bảo vệ tư hữu. Điểm quan trọng tạo cho sự tham nhũng tồn tại và phát triển trong thời gian này là quy định của nhà Lý về thể lệ chuộc tội bằng tiền: *những người già trên 70 tuổi và trẻ em dưới 15 tuổi, những người có nhược tật, những người họ nhà vua và có công lớn nếu phạm tội có thể chuộc bằng tiền, trừ tội thập ác*. Quy định nộp tiền này đã khiến cho tầng lớp quý tộc đã giàu lại càng giàu và càng có điều kiện áp bức nhân dân. Trong thể lệ thu thuế của thời Lý có quy định, các quan lại thu thuế của dân, ngoài mười phần đóng vào kho nhà nước được thu riêng một phần gọi là “hoành đầu”. Quy định như vậy tạo điều kiện cho tầng lớp chức sắc tìm cách chiếm đoạt tài sản của dân bằng cách lợi dụng chức quyền. Tuy nhiên, việc chống tham nhũng của nhà Lý cũng thể hiện: nếu kẻ nào thu quá số ấy ghép vào tội ăn trộm... Nếu Quản giáp, Chủ đó và người trung thuế thông đồng với nhau thu quá lệ, tuy đã lâu ngày và có người cáo phát thì tất cả cũng bị tội như nhau, v.v... Hiện nay, bộ Hình Thư nhà Lý đã bị thất lạc, không còn lưu giữ cho thế hệ đời sau mà chỉ được nhắc trong sử sách mà thôi.

Từ thế kỷ thứ XIII đến thế kỷ thứ XV là thời kỳ thống trị đất nước của nhà Trần (Trần Thái Tông, Trần Dụ Tông.. sau khi ba lần đánh thắng quân Nguyên). Trong những năm đầu tiên, nhà Trần đã sử dụng bộ *Hình Thư* của nhà Lý để trị vì đất nước. Nhưng sau khi lên ngôi được 5 năm, Trần Thái Tông thấy rằng, nếu sử dụng *Hình Thư* của nhà Lý thì không phù hợp với hoàn cảnh đất nước nên đã ban hành bộ luật mới và lấy tên là Quốc Triều *Thông Lễ* vào năm canh Dần, niên hiệu Kiến Trung thứ 5 (1230). Đến năm 1244, vua Trần Thái Tông ban lệnh “*định các cách thức về luật hình*”. Đến tháng 8 năm Tân Tỵ niên biểu Thiệu Phong thứ nhất (1341), Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn soạn bộ Hoàng Triều Đại Điển và khảo soạn bộ *Hình Thư* để ban hành. Cho đến nay, các văn bản luật của nhà Trần không còn được lưu giữ. Nhưng qua nhận xét của sử gia Phan Huy Chú mong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí thì: “*Hình của nhà Lý thì lỗi ở khoan dung, hình của nhà Trần thì lỗi ở nghiêm khắc*”. Điều đó cho thấy sự nghiêm khắc trong pháp luật nhà Trần. Tuy nhiên sự nghiêm khắc trong pháp luật nhà Trần chủ yếu bảo vệ chế độ phụ quyền theo tư tưởng Nho giáo và bảo vệ tầng lớp quý tộc quan lại, chức sắc phong kiến thời bấy giờ. Nếu phạm vào cùng một tội danh, nhưng người phạm tội là người trong hoàng thân quốc thích thì bị xử nhẹ hơn quan lại và dân đinh. Lệ chuộc bằng tiền từ thời trước vẫn được duy trì. Chính quy định này làm cho tầng lớp quý tộc quan liêu và quan lại giàu có; coi thường pháp luật.

Cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, nhà Trần trở lên mục ruỗng, thối nát lung lay đến tận gốc. Hồ Quý Ly, một quý tộc trong triều đã phé truất vua Trần và lập nên triều Hồ. Trong thời gian nắm quyền, mặc dù ngắn ngủi, Hồ Quý Ly đã có những cải cách táo bạo nhằm cải tổ đất nước, xây dựng pháp luật trên các lĩnh vực, nghiêm khắc trừng trị những kẻ làm bạc giả, hành nghề mê tín dị đoan và cờ bạc. Ngoài ra, nhà Hồ còn thay đổi chế độ tô thuế, thể lệ chọn nhân tài, thay đổi củng cố bộ máy nhà nước nhằm tăng cường uy lực của nhà nước trung ương tập quyền và để hạn chế sự tham nhũng của hàng ngũ quan lại chức sắc phong kiến. Trong sách Toàn thư còn ghi rõ: Hồ Hán Thương giết người phương thuật Trần Đức Huy, thưởng công cho Trần Quốc Kiệt vì biết đắp đê ngăn mặn, tiện việc cày cấy cho dân.

Thế kỷ XV là thời đại nhà Lê: sau chiến thắng của Lê Lợi chống quân xâm lược Nhà Minh. Nhà nước lịch sử Việt Nam phát triển thành nhà nước phong kiến trung ương tập quyền, huỷ bỏ dân quyền tự trị của công xã, đẩy mạnh quá trình phong kiến hoá cơ cấu xã hội, phát triển các lĩnh vực văn hoá nghệ thuật và các bộ môn khoa học khác (khắc tên tuổi những người đồ tiến sĩ ở Văn Miếu). Trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, thế kỷ XV của nhà Lê được coi là cái mốc quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Trong thời gian 360 năm tồn tại, triều đại nhà Lê đã để lại những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực pháp luật. Những sách luật được biên soạn theo thời gian: Quốc Triều Hình Luật (hay còn gọi là Lê Triều Hình Luật) gồm 6 quyển; Luật Thư gồm 6 quyển do Nguyễn Trãi biên soạn (1440 - 1442); Quốc Triều Luật Lệ gồm 6 quyển do Phan Phù Tiên soạn (1440 - 1442), Quốc Triều Thư Khế Thử Thức (1468 - 1471); Lê Triều Quan Chế (1471); Thiên Nam Dư Hạ Tập gồm 100 quyển (1483); Hồng Đức Thiệu Chính Thư (1470 - 1497); Sĩ Hoạn Châm Quy (1470 - 1497); Quốc Triều Chiếu Lệnh Thiệu Chính (1619 - 1705); Quốc Triều Điều Luật; Cảnh Hưng Điều Luật (1740 - 1786) v.v... Phải nói rằng, luật lệ nhà Lê là điển hình trong việc quản lý đất nước của nhà nước phong kiến lịch sử Việt Nam. Như nhận xét của sử gia Phạm Huy Chú trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* thì luật của nhà Lê “thật là mẫu mực để trị nước cái khuôn phép để buộc dân”. Trong số các công trình luật pháp nhà Lê thì *Quốc Triều Hình Luật* được coi là Bộ luật quan trọng nhất và có giá trị sử dụng trong khoảng thời gian từ 1429 đến 1789 và được coi là đỉnh cao của những thành tựu lập pháp trong các triều đại trước đó, mà như đánh giá của Chủ nhiệm khoa Luật Á Đông, Trường Đại học Luật khóa Havard, ông Ohver Oldman “... Chúng ta cũng thấy trong nhiều thế kỷ đã qua sự cố gắng của nước Việt Nam thời Lê, một sự nỗ lực thường xuyên đối với việc xây dựng một nhà nước dân tộc và sự bảo hộ cho những quyền tư hữu hợp pháp bởi hệ thống luật pháp tiến bộ với nhiều sự tương đương về chức năng so với những quan niệm pháp luật phương Tây cận đại”.

Cũng như các nhà nước phong kiến khác, những quan lại, chức sắc cũng có những đặc quyền riêng theo thứ bậc cao thấp. Các quan lại được cấp ruộng thế nghiệp, lộc điền, người phục dịch. Thế nhưng, trong *Quốc Triều Hình Luật* quy định một cách chặt chẽ và cụ thể hành vi được coi là tham nhũng và có

các chế tài nghiêm khắc trừng trị. Nghiên cứu toàn bộ Bộ luật đã chỉ ra: trong tổng số 722 điều luật với 13 Chương chia làm 6 quyền, các tội về tham nhũng được chia thành các nhóm sau đây:

Nhóm thứ nhất: các tội phạm liên quan đến nhận hối lộ, những nhiễu để chiếm đoạt tiền của dân (trong nhóm này có 14 điều luật quy định). Việc những nhiễu ăn hối lộ trên nhiễu lĩnh vực khác nhau như nhận hối lộ trong tuyển đình tráng vào quân đội (Điều 170); nhận hối lộ khi mặt tra của quan liêm phóng (Điều 197); nhận hối lộ để không tâu với quan trên về hành vi khi nhòn (Điều 229), v.v... Hình phạt áp dụng với tội hối lộ, những nhiễu lấy tiền của của dân đình rất nghiêm khắc. Ví dụ Điều 138 quy định: “Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử tội chém....

Nhóm thứ hai: lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt tài sản là ruộng đất, thuế khoá hoặc lạm quyền chiếm đoạt tài sản của dân (trong nhóm này có 4 Điều luật). Ví dụ Điều 206 quy định: “Những quan thu thuế không theo ngạch đã định mà thu, lại giấu bớt số thuế thì cũng coi như tội giấu đồ vật công, nếu thu thêm thuế để làm của riêng, thì tội cũng như thế, lại phải bồi thường gấp đôi số thuế lạm thu trả lại cho dân”.

Nhóm thứ ba: Lợi dụng chức quyền để chiếm đoạt dân đình, hoặc sử dụng sức lao động của dân đình, binh lính làm việc cho mình trái pháp luật (trong nhóm này có 10 điều luật quy định). Ví dụ. Điều 166 quy định: “Các quan quân giám tự tiện đem dân đình nói dối là quân lính hay quan khách để giấu giếm làm việc riêng trong nhà thì phải biếm hai tư và bãi chức...”.

Như vậy, những hành vi tham nhũng của quan lại chức sắc lợi dụng chức quyền của mình để trục lợi được quy định rất cụ thể trong Quốc Triều Hình Luật. Điều đó cho thấy, trong lịch sử pháp luật Việt Nam, đấu tranh chống tham nhũng với những hành vi lợi dụng chức quyền để trục lợi của quan lại, chức sắc đặt ra như là một yêu cầu để bảo vệ chế độ phong kiến đương thời.

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII là thời kỳ nội chiến phân liệt. Triều Lê mất dần vai trò lịch sử đất nước bước vào thời kỳ hỗn loạn đưa đến các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực, Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như cuộc khởi nghĩa của Trần Cao, Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Nguyễn Kim... Nước

Đại Việt được chia làm hai miền: Đàng Trong và Đàng Ngoài lấy sông Gianh làm giới tuyến. Xung đột khốc liệt giữa họ Trịnh và họ Nguyễn đã đưa đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo đã thống nhất đất nước và lập lên triều đại Tây Sơn. Trong khoảng thời gian triều đại Tây Sơn trị vì đất nước, Quốc Triều Hình Luật được sử dụng như bộ luật chính thống, tuy nhiên có bổ sung một số lĩnh vực về kinh tế, tài chính. Nhưng phần bình luật vẫn giữ nguyên. Điều đó có nghĩa rằng, những hành vi về tham nhũng được coi là tội phạm vẫn bị xử lý theo điều luật quy định trong Quốc Triều Hình Luật.

Sau khi triều đại Tây Sơn suy thoái, năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long. Trong thời gian trị vì đất nước, Nguyễn Ánh đã dành sự quan tâm đến việc xây dựng pháp luật. Năm 1815, bộ Hoàng Việt Luật Lệ, thường được gọi là *Bộ luật Gia Long*, được xây dựng. Thế nhưng Hoàng Việt Luật Lệ được Gia Long ban hành thì nội dung của nó đã mô phỏng gần như luật lệ của nhà Đại Thanh (Trung Quốc). Chính vì thế, thời gian đầu thế kỷ, Deloustal khi giới thiệu về nền pháp luật của nước Nam cổ xưa đã dịch sang Pháp ngữ Bộ luật thời Lê (Quốc Triều Hình Luật) và đánh giá cao sự sáng tạo mang đậm nét tính cách Việt Nam, mặc dù trong bộ luật này có dấu ấn và ảnh hưởng của triết học và pháp luật Trung Hoa là điều không thể tránh khỏi. Nhưng với Hoàng Việt Luật Lệ của nhà Nguyễn thì chỉ là sự sao chép gần như nguyên vẹn bộ luật của triều Mãn Thanh Trung Hoa. Vũ Văn Mẫu, khi khảo về cổ luật Việt Nam đã đi đến kết luận: *Bộ luật Gia Long mất hết cả tính một nền pháp chế Việt Nam... Bao nhiêu sự tán kỳ mới lạ trong bộ luật triều Lê không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong bộ luật nhà Nguyễn*. Tuy nhiên về phần hình luật, các quy định trong Bộ luật Gia Long liên quan đến các tội phạm, trong đó có các tội phạm tham nhũng, hệ thống hình phạt cũng như các hệ thống nguyên tắc trừng trị về cơ bản tương tự như Quốc Triều Hình Luật thời Lê.

Nghiên cứu pháp luật cổ Việt Nam về chống tham nhũng chúng ta cần lưu ý tới các quy định về *Hồi ty*. Từ điển Bách khoa Việt Nam giải thích *Hồi ty* là việc không để những người có quan hệ họ hàng cũng tham gia một phiên tòa. Tuy nhiên theo Tiến sỹ Bùi Xuân Đính, Viện Dân tộc học thì *Hồi ty* có nhiều nghĩa trong đó có nghĩa liên quan đến bố trí quan lại trong bộ máy Nhà nước nói chung chứ không chỉ giới hạn ở Tòa án.

Luật Hồi ty được xây dựng và áp dụng từ thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) và mạnh nhất dưới thời vua Minh Mạng (1820-1841). Trừ các cơ quan chuyên môn như khâm thiện giám, thái y viện cần người kinh nghiệm cha truyền con nối, những người có quan hệ huyết thống, đồng hương, thầy trò, bạn bè, thông gia, không được cùng làm việc tại một công sở, không được tham gia giải quyết cũng một việc như coi thi, xử kiện, v.v... Gặp trường hợp như vậy phải *Hồi ty, tức đổi bỏ quan lại đi nơi khác*. Quy định đó được tuân thủ nghiêm ngặt đến mức người ta gọi nó là Luật Hồi ty.

Như vậy, trong lịch sử nhà nước phong kiến Việt Nam, trên phương diện pháp luật, vấn đề đấu tranh chống những hành vi lợi dụng chức quyền nhằm trục lợi của đội ngũ quan lại chức sắc đã được đặt ra như một yêu cầu xây dựng bộ máy nhà nước phong kiến. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận ở khía cạnh một nhà nước phong kiến thì những vấn đề đấu tranh chống tham nhũng cũng có những hạn chế nhất định. Đây là đặc điểm chung của nhà nước chế độ phong kiến mà ở đó tồn tại chế độ người bóc lột người.

Ngày 1 tháng 9 năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tấn công vào bán đảo Sơn Trà, mở đầu cho thời kỳ và xâm lược Việt Nam hơn 80 năm. Trong khoảng thời gian đó, thực dân Pháp từng bước thôn tính từng vùng, từng miền, từng tỉnh và thiết lập chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở thành xứ bảo hộ của thực dân Pháp.

Trên cơ sở là xứ thuộc địa của Pháp, tại Nam Kỳ từ năm 1881 trở đi, người Việt Nam và người Pháp phạm tội đều do Tòa án Pháp xét xử, nhưng theo hai thứ luật, nếu là người Pháp thì theo luật của Pháp, còn nếu là người Việt thì xử theo luật của triều Nguyễn kết hợp với những quy định mới của thực dân Pháp đối với các xứ thuộc địa. Đầu thế kỷ XX, khi mà thực dân Pháp ban hành nghị định của toàn quyền Đông Dương (6-1-1903) về việc bãi bỏ chế độ tư cách bản xứ” ở Nam kỳ thì người Việt phạm tội đều xử theo luật của Pháp. *Tại Bắc kỳ*, thời kỳ đầu, sau khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước đầu hàng bán Bắc kỳ cho thực dân Pháp (1887), người Việt phạm tội thì bị xét xử theo luật Gia Long. Năm 1921, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định ban hành 4 bộ luật áp dụng tại Bắc Kỳ, trong đó có luật hình sự, luật tổ tụng hình sự, luật dân sự và luật tổ chức Tòa án. Toàn bộ pháp luật, và thi hành pháp

luật do người Pháp nắm giữ. Tại Trung Kỳ, vẫn duy trì bộ máy hành chính Nam Triều và dựa theo pháp luật cũ của nhà Nguyễn (Bộ Luật Gia Long). Nhưng hoạt động của bộ máy hành chính cũng như hệ thống pháp luật ở Trung kỳ đều chịu sự can thiệp và chi phối của thực dân Pháp. Đồng thời, thực dân Pháp từng bước đưa luật của Bắc kỳ mà người Pháp đã xây dựng vào áp dụng tại Trung kỳ, làm vô hiệu hoá pháp luật của nhà Nguyễn. Như vậy, trên lĩnh vực pháp luật, thực dân Pháp bằng mọi cách áp dụng chế độ pháp luật thực dân nhằm cai trị nhân dân Việt Nam

Do chế độ thực dân cai trị, những chức sắc của chế độ thực dân Pháp cũng như các quan lại phong kiến Việt Nam dựa vào đó tha hồ tham nhũng, bóc lột nhân dân Việt Nam. Trong pháp luật của thực dân Pháp, chúng chỉ chú ý đến việc đàn áp các phong trào cách mạng, đặc biệt là các tội “*phiến loạn*” và các tội liên quan đến “*chống lại chính phủ Pháp*”. Chính vì thế, chỉ trong vòng 10 năm từ 1902 đến 1912, Tòa án thực dân Pháp đã kết án 24.380 người bằng các hình thức tù giam, khổ sai chung thân và tử hình¹. Hệ thống pháp luật của thực dân Pháp chỉ nhằm mục đích xâm lược, bình định, khai thác và bóc lột thuộc địa của chúng, đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Tóm lại, trong suốt thời kỳ dựng nước và giữ nước, pháp luật của nhà nước phong kiến Việt Nam trong lịch sử đã quy định những hành vi tham nhũng và áp dụng hình phạt rất nghiêm khắc đối với các quan lại chức sắc phong kiến lợi dụng chức quyền áp bức người dân để trục lợi. Điều đó thể hiện quan điểm của nhà nước Việt Nam trong lịch sử đối với loại tội phạm nguy hiểm này. Tuy nhiên trong thời kỳ thực dân Pháp xâm lược, pháp luật chủ yếu phục vụ cho sự đàn áp của Pháp đối với các phong trào cách mạng Việt Nam, tạo điều kiện cho các quan lại thực dân tha hồ tham nhũng, ức hiếp người dân Việt Nam.

¹Lịch sử Việt Nam, tập 11. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1985, tr.9L